

Bản án số: **115/2024/DS-ST**;
Ngày: 02 - 7 - 2024.

V/v tranh chấp hợp đồng góp
hụi và hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG – TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Minh Quân;

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Hoa;
- Ông Thạch Tân Dân;

- **Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Ông Đào Tuấn Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông tham gia phiên tòa:** Ông Đoàn Khắc Huy – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2024, tại các điểm cầu: trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông và Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang. Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông mở phiên tòa xét xử sơ thẩm bằng hình thức trực tuyến công khai vụ án dân sự đã thụ lý số 54/2024/TLST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2024 về việc tranh chấp “Hợp đồng góp hụi và hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2024/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông **Huỳnh Văn T** – sinh năm 1967;

Địa chỉ: ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang;

* Bị đơn: Bà **Lê Kim H** – sinh năm 1952;

Địa chỉ: ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang;

(Ông T, bà H có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tố tụng, nguyên đơn ông **Huỳnh Văn T** trình bày:

Do quen biết, nên bà **Lê Kim H** có tham gia 02 dây hụi do ông làm chủ. Cụ thể như sau:

- Dây thứ nhất: hụi tháng loại 2.000.000 đồng, khai đầu ngày 25/8/2021 âm

lịch, dây hụi có 30 phần, bà **H** tham gia 01 phần, hụi mãn vào tháng 12/2023 âm lịch, bà **H** hốt hụi ở kỳ khai ngày 25/9/2022 âm lịch, sau khi hốt hụi bà **H** đóng hụi chết đến tháng 4/2023 âm lịch thì ngưng, ông là chủ hụi phải đóng choàng cho bà **H** 08 lần từ tháng 5/2023 âm lịch đến khi hụi mãn với số tiền là 16.000.000 đồng.

- Dây thứ hai: hụi tháng loại 3.000.000 đồng, khai đầu ngày 05/12/2021 âm lịch, dây hụi có 25 phần, bà **H** tham gia 01 phần, hụi mãn vào tháng 10/2023 âm lịch, bà **H** hốt hụi ở kỳ khai ngày 05/5/2022 âm lịch, sau khi hốt hụi bà **H** đóng hụi chết đến tháng 4/2023 âm lịch thì ngưng, ông là chủ hụi phải đóng choàng cho bà **H** 05 lần từ tháng 5/2023 âm lịch đến khi hụi mãn với số tiền là 15.000.000 đồng.

Tiền nợ hụi cả hai dây là 31.000.000 đồng, ngoài ra bà **H** có mượn của ông số tiền 5.000.000 đồng đến nay chưa trả, tổng cộng 2 phần nợ là 36.000.000 đồng. Nhưng tại phiên hòa giải, bà **H** chỉ thừa nhận còn nợ ông số tiền nợ hụi và nợ vay tổng cộng là 35.000.000 đồng ông cũng thống nhất số tiền nợ tổng cộng là 35.000.000 đồng. Ông yêu cầu bà **H** trả số tiền 35.000.000 đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu tính lãi.

** Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và quá trình tố tụng, bị đơn bà **Lê Kim H** trình bày:*

Do là hàng xóm với ông **T**, nên bà có tham gia 02 dây hụi tháng do ông **T** làm chủ, mỗi dây tham gia 01 phần. Dây thứ nhất hụi loại 2.000.000 đồng không nhớ rõ ngày chơi nhưng dây hụi này bà đã hốt và đóng hụi chết đến khi mãn hụi. Dây thứ hai hụi loại 3.000.000 đồng cũng không nhớ rõ ngày tháng chơi, nhưng bà đã hốt ở kỳ thứ 4 và đã nhận đầy đủ tiền hốt hụi. Sau khi hốt hụi bà có đóng lại một số lần thì ngưng, dây hụi này bà xác định còn nợ lại ông **T** 10 kỳ hụi chết là 30.000.000 đồng. Ngoài ra khoảng giữa năm 2023 bà có vay của ông **T** 5.000.000 đồng lãi suất mỗi tháng 750.000 đồng, bà đã đóng lãi được khoảng 5 tháng thì ngưng chưa trả vốn. Tổng số tiền nợ hụi và nợ vay gốc, bà thừa nhận chỉ còn nợ ông **T** 35.000.000 đồng, bà đồng ý trả số tiền này cho ông **T**, nhưng xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi xong nợ.

** Tại phiên tòa:*

- Nguyên đơn ông **Huỳnh Văn T** yêu cầu bà **H** trả số tiền nợ 35.000.000 đồng trong 04 tháng, mỗi tháng trả 10.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, không yêu cầu tính lãi.

- Bị đơn bà **Lê Kim H** đồng ý trả cho ông **T** tổng số tiền 35.000.000 đồng, nhưng xin trả mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi xong nợ.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông phát biểu quan điểm:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Huỳnh Văn T** về việc yêu cầu bà **Lê Kim H** trả số tiền 30.000.000 đồng tiền hụi và 5.000.000 đồng tiền nợ vay, tổng cộng là 35.000.000 đồng, về thời gian thực hiện nghĩa vụ không thỏa thuận được nghĩa vụ trả tiền, thì thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn ông **Huỳnh Văn T** khởi kiện yêu cầu bà **Lê Kim H** trả lại số tiền nợ hụi và nợ vay, nên xác định đây là tranh chấp về “hợp đồng góp hụi và hợp đồng vay tài sản”, theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại **ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang**, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là các giấy giao tiền hụi cho bị đơn, có chữ ký nhận của bị đơn. Mặc dù số tiền nợ hụi hai bên đương sự trình bày không thống nhất, nhưng tại biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa, các bên đương sự thống nhất được số tiền nợ là bị đơn còn nợ lại nguyên đơn 30.000.000 đồng tiền hụi chết và 5.000.000 đồng tiền vay, tổng cộng là 35.000.000 đồng. Nên căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự sự việc này không cần phải chứng minh thêm. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào sự thống nhất của các bên đương sự xác định bà **H** còn nợ ông **T** số tiền nợ hụi và nợ vay tổng cộng là 35.000.000 đồng đến nay chưa trả; và việc ông **T** khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà **H** trả số tiền 35.000.000 đồng là phù hợp với Điều 463, Điều 466 và Điều 471 Bộ luật Dân sự, nên được chấp nhận.

[3] Về phương thức trả, thời gian trả số tiền 35.000.000 đồng. Xét hai bên đương sự không thỏa thuận được với nhau. Do đó, phương thức trả và thời gian trả được thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án dân sự.

[4] Về tiền lãi: Tại đơn khởi kiện, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả lãi, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định; nhưng bị đơn là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí dân sự sơ thẩm, nên bị đơn được xem xét miễn án phí.

[6] Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 471, Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hui, họ, biêu, phưong;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Huỳnh Văn T.**

1. Buộc bà **Lê Kim H** có nghĩa vụ trả cho ông **Huỳnh Văn T** số tiền nợ hui và nợ vay tổng cộng là 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng). Thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông **T** có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong; bà **H** phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

- Bà **Lê Kim H** được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông **Huỳnh Văn T** không phải chịu án phí. **H1** lại ông **T** 1.675.000 đồng (một triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001643 ngày 01/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phú Đông;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú Đông;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Minh Quân